

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN LỰC NGÔN TRUNG TRONG CÂU NGÔN HÀNH TƯỜNG MINH TIẾNG VIỆT

Nguyễn Thị Thanh Ngân*

1. Đặt vấn đề

Câu ngôn hành là câu “biểu thị chính cái hành động được thực hiện trong khi nói ra bằng cách nói nó ra” (Cao Xuân Hạo, 1991; 224). Trong câu ngôn hành, lực ngôn trung được đánh dấu trực tiếp nhất thông qua một lớp từ đặc biệt là động từ ngôn hành (ĐTNH). Những động từ này “khi được dùng trong những điều kiện nhất định thì ngay việc sử dụng nó cũng chính là cái hành động nó biểu hiện” (Cao Xuân Hạo, 1991; 224). Chẳng hạn:

(1)- Xin trân trọng kính *mời* anh chị tới dự lễ thành hôn của hai chúng tôi! (hành động mời)

(2)- *Cảm ơn* anh nhé! (hành động cảm ơn)

Ngay từ năm 1962, J. L. Austin đã chỉ ra những điều kiện của ĐTNH. Theo đó, nó chỉ thực hiện chức năng ngôn hành “khi phát ngôn ở ngôi thứ nhất, thì hiện tại, thể chủ động, thức thực thi” (Theo Đỗ Hữu Châu, 2001, 91). Nếu không thỏa mãn những điều kiện này, động từ chỉ thực hiện chức năng miêu tả.

Thuật ngữ “câu ngôn hành tường minh” xuất hiện lần đầu ở giai đoạn thứ hai trong lý thuyết Hành động ngôn từ (Speech acts theory) của J. L. Austin, khi ông cho rằng mọi câu đều là câu ngôn hành, kể cả câu trần thuật. Ở thời điểm đó, ông cho rằng câu ngôn hành tường minh là câu chứa động từ ngôn hành, câu ngôn hành nguyên cấp (implicit) là câu không có ĐTNH nhưng hoàn toàn có thể được phục hồi cấu trúc sâu của nó. Chẳng hạn:

(3)- Mở cửa ra!

(4)- *Yêu cầu* anh mở cửa ra!

Ví dụ (3) là câu ngôn hành nguyên cấp, nhưng có thể phục hồi cấu trúc bằng cách thêm ĐTNH *yêu cầu*, biến nó thành câu ngôn hành tường minh như ví dụ (4).

Sau này, J. Searle khẳng định rằng thực tế không hoàn toàn như vậy. Ngay cả những câu không có ĐTNH, nhưng có kiểu kết cấu đặc biệt, có từ ngữ chuyên dùng, thậm chí là ngữ điệu đặc trưng, cũng là câu ngôn hành tường minh. Đây chính là điều mà J. Lyons sau này khẳng định: “ngoài ĐTNH, hiệu lực ở lời còn được đánh dấu bằng một tiểu từ tình thái đặc biệt, bằng một hình thức ngữ pháp đặc biệt, hoặc thậm chí bằng một kiểu ngữ điệu đặc biệt” (Lyons, 1995, 250). Trong một khuôn khổ nhất định, xin được bàn

* Đại học Thái Nguyên.

đến những nhân tố đứng trước ĐTNH trong câu ngôn hành tường minh có chứa loại động từ đặc biệt này, để xem xét mức độ ảnh hưởng của chúng tới lực ngôn trung của cả câu.

2. Các nhân tố đứng trước ĐTNH có ảnh hưởng đến lực ngôn trung

2.1. Yếu tố tích cực – yếu tố *xin*

Tác giả Cao Xuân Hạo coi *xin* là một tác tử (operator) “đánh dấu tính ngôn hành của phát ngôn cũng như động từ đi sau nó một cách độc lập với ngữ cảnh và tình huống, đối với sự có mặt của bổ ngữ chỉ người tiếp nhận ở ngôi thứ hai” (Cao Xuân Hạo, 1991, 288).

Xin lấy ví dụ cụ thể để làm rõ nhận định trên: Khi vô tình nghe người nói (Sp1) nói: “Tôi hứa sẽ về sớm”, người nghe (Sp2)⁽²⁾ không thể khẳng định đó là câu ngôn hành hay không nếu không rõ ngữ cảnh của nó. Vì sau đó, Sp1 có thể nói tiếp: “Nhưng tiếc là tôi không thực hiện được” hoặc: “Và bây giờ tôi đã về”. Vậy thì câu “Tôi hứa...” chỉ đơn thuần là câu trần thuật.

Song, khi nghe Sp1 nói “*Xin* hứa sẽ về sớm”, dù không rõ ngữ cảnh, Sp2 hoàn toàn có thể khẳng định đó là câu ngôn hành. Vì câu nói này là sản phẩm của hành động hứa, không thể thêm bất kỳ lời giải thích hay thanh minh như trong trường hợp vừa phân tích ở trên (chẳng hạn: thật vô lý khi nghe thấy hai phát ngôn liên nhau như thế này của Sp1: “Xin hứa sẽ về sớm. Nhưng tiếc là tôi không thể thực hiện được”).

Bản thân *xin* là một ĐTNH được dùng theo nghĩa chuyển từ một động từ chỉ hành động vật lý. Nhưng khi dùng với tư cách như một nhân tố tình thái đánh dấu tính ngôn hành, nét nghĩa này mờ đi. Ví dụ:

(5) - *Xin* anh cốc nước!

(6) - Tôi *xin* thề rằng tôi hồi và nhất định ở đây với anh. (Nguyễn Công Hoan)

Ta thấy: ở (5), nói xong là Sp1 thực hiện xong hành động *xin* - với ĐTNH *xin*. Nhưng nói xong (6), Sp1 không làm cái việc xin cái gì/ việc gì. Lúc này *xin* là yếu tố tình thái bổ sung ý nghĩa cho động từ “thề”.

Vậy là, khi đứng trước ĐTNH, *xin* không chỉ bổ sung hiệu lực cho động từ mà còn cho cả câu. Nó có thể:

2.1.1. Làm tăng tính chủ quan, nhấn mạnh tính bản thể của Sp1. Dù có hay không có chủ ngữ, câu ngôn hành có yếu tố *xin* vẫn được ngầm hiểu là “Tôi/ Chúng tôi *xin* ĐTNH”. Chẳng hạn:

(7) [Đọc xong đơn xin vào Đoàn, Phương giơ nắm tay lên]:

- *Xin* thề! (Nguyễn Phương Liên)

Câu (7) chỉ có thể chấp nhận chủ ngữ là “Tôi/ Chúng tôi” chứ không thể chấp nhận bất cứ đại từ nào khác.

⁽²⁾ Speaker 2: người nói 2- người tiếp nhận. Trong thực tế giao tiếp, người nói và người nghe luân phiên đổi vai.

2.1.2. Làm tăng tính trách nhiệm, tính ràng buộc với nội dung P của câu, đặc biệt với những câu thuộc nhóm cam kết. Chẳng hạn:

(8) [Trước khi chia tay anh đề về quê ngoại ở hẳn với mẹ, em Thuý muốn anh Thành hứa không bao giờ để hai con búp bê xa nhau. Anh Thành đáp]

- Anh **xin** hứa! (*Ngữ văn 7*, tập 1, 2002).

Nếu như “Anh hứa” (không có yếu tố **xin**) có thể chỉ là lời đáp qua loa, lơ đãng, là câu trả lời cho qua chuyện của người anh thì ví dụ (8) mang tính trách nhiệm hơn hẳn. Nó thể hiện một thái độ, một ý thức trân trọng đề nghị của Sp2, cũng là trân trọng Sp2 một cách rõ rệt.

2.1.3. Làm tăng tính lịch sự, trang trọng trong những trường hợp cần thiết, đặc biệt với những câu thuộc nhóm lễ nghi, giao tiếp và nhóm bày tỏ quan điểm. Ví dụ:

(9) - **Xin** mời bạn Phương lên đọc đơn xin vào Đoàn! (Nguyễn Phương Liên).

(10) - Chúng tôi gồm các gia đình trong khu tập thể (...) N. **xin** kiến nghị với Ủy ban Nhân dân một việc như sau: ... (*Ngữ văn 7*, tập 2, 2002).

Ngoài ra, khi nói “**Xin** ĐTNH”, người nói thường có ý khiêm tốn trước người nghe. Đó cũng là một kiểu tôn trọng người đối thoại. Ví dụ:

(11) - **Xin** giới thiệu với các bạn, tôi là Tạ Ngọc Ánh, nhà ở..., học lớp 6A-Trường Trung học cơ sở Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội. (*Ngữ văn 6*, tập 1, 2002)

Tính trách nhiệm, tính chủ quan... là những đặc điểm vốn có của câu ngôn hành. Cho nên việc **xin** được coi như một tác tử làm tăng thêm hiệu lực ngôn hành là hoàn toàn xác đáng.

Song **xin** không phải lúc nào cũng kết hợp được với mọi ĐTNH. Nó không thể kết hợp với những động từ chuyên dùng cho người ở vai cao hơn Sp2 như *cho phép, từ, lệnh, yêu cầu, chỉ thị, bảo...* hay những động từ trùng âm tiết **xin** như *xin lỗi, xin phép, xin ...* trừ phi Sp1 dùng với hàm ý mỉa mai Sp2. **Xin** cũng ít đi với những ĐTNH mang tính pháp chế như *tuyên án, tố cáo, xoá án, lên án...*

2.2. Yếu tố tiêu cực

Vì tiếng Việt không thuộc loại hình ngôn ngữ biến đổi hình thái, nên các ý nghĩa ngữ pháp được thể hiện bằng các phương tiện từ vựng. Phần lớn các yếu tố có ảnh hưởng tiêu cực đến lực ngôn trung của câu là những từ/ ngữ mang ý nghĩa về thời, thể, thái. Cụ thể là:

2.2.1. Các tình thái từ chỉ thời gian như **đã, sẽ, đang, vừa mới...** và những từ có ý nghĩa chỉ thời trong tiếng Việt như **từng, sắp, có...**

Khi thêm các tình thái từ này, câu sẽ báo hiệu tính trần thuật. Ta so sánh các cặp câu sau:

(12a) - Tao cấm mày đi chơi! (+hành động cấm)

(12b)- Tao cấm mày đi chơi **rồi** kia mà! (- hành động cấm)

(13a)- Chúng tôi giới thiệu với quý vị sản phẩm mới của công ty. (+ hành động giới thiệu)

(13b)- Chúng tôi **có** giới thiệu với quý vị sản phẩm mới của công ty. (- hành động giới thiệu)

(14a)- Chúc cậu năm mới tốt lành. (+ hành động chúc)

(14b)- Mình **sắp** chúc cậu năm mới tốt lành! (- hành động chúc (15a)- Tao hỏi mày có đi cùng tao hay không? (+ hành động hỏi)

(15b)- Tao **đang** hỏi mày có đi cùng tao hay không? (- hành động hỏi)

Khi thoả mãn các điều kiện về ngữ cảnh, về các nhân tố giao tiếp, các ví dụ (12a), (13a) (14a), (15a) nêu trên đều là câu ngôn hành, là biểu hiện cụ thể của các hành động cảm, giới thiệu, chúc, hỏi. Tuy nhiên khi thêm vào đó các từ tình thái như ở các câu còn lại, hiệu lực ấy không còn. Từ **rồi**, **có** trong câu (12b), (13b) xác định động từ “cảm”, “giới thiệu” biểu thị hành động được thực hiện trong quá khứ, còn **sắp** trong ví dụ (14b) xác định động từ “chúc” là hành động được thực hiện trong tương lai, nghĩa là chưa xảy ra. Điều này vi phạm một trong những điều kiện thiết yếu của ĐTNH: ĐTNH phải được thực hiện ở thời hiện tại, đúng hơn là ở chính thời điểm nói. Ngay cả trong ví dụ (15b) - hành động hỏi, phó từ thời thể **đang** có vẻ như xác định được hành động ở thời hiện tại, song hiệu lực ngôn hành cũng vẫn mất đi. Bởi người nghe có thể hiểu ngay Sp1 đang nhắc nhở mình chú ý vào nội dung giao tiếp, chứ chưa thể hiểu ngay là Sp1 đang hỏi mình. Trong khi đó, ĐTNH là động từ mà “khi phát âm xong là hành động mà nó biểu thị cũng được thực hiện xong (Cao Xuân Hạo, 1991, 224).

2.2.2. Các từ phủ định *không, chưa, chẳng...* hay hàm ý phủ định như *toan, suýt, thiếu chút nữa thì, đâu dám, đâu có, nào dám...*

Những từ này cho biết rằng Sp1 không làm cái hành vi ngôn ngữ được biểu thị bằng động từ nói năng trong câu. Chẳng hạn:

(16a)- Thách mày vật nhau với tao. (+ hành động thách)

(16b)- Tao **đâu có** thách mày vật nhau với tao. (- hành động thách)

(17a)- Tôi công nhận anh có tài. (+ hành động công nhận)

(17b)- Tôi **không** công nhận anh có tài. (- hành động công nhận)

Sp1 nói các ví dụ (16b), (17b) không phải để thực hiện hành động thách, công nhận... mà để phủ nhận việc mình có liên quan đến những hành động đó. Câu nói ra không phải để thực hiện hành động được biểu thị bằng ĐTNH trong câu thì đó không phải là câu ngôn hành.

2.2.3. Những từ biểu thị dự định: **định, tính...** Chẳng hạn:

(18a) - Mời các ngài ngày mai ra đây xem tôi cân voi. (+ hành động mời)

(18b) - Tôi **tính** mời các ngài ngày mai... (- hành động mời)

(19a)- Cóc (tự xưng-ngôi thứ nhất) chỉ hỏi Trời (ngôi thứ hai) một câu thôi: mấy năm nay sao trời không mưa? (+ hành động hỏi)

(19b)- Cóc **định** hỏi Trời một câu thôi... (- hành động hỏi)

Nói ví dụ (18a), (19a) đồng nghĩa với việc Sp1 thực hiện luôn hành động mời, hỏi. Song, ví dụ (18b), để động từ đứng sau những từ chỉ dự định, ta thấy rõ ràng những hành động chưa được thực hiện, mới chỉ nằm trong dự kiến của Sp1 mà thôi. Vậy thì các câu (19b) trong các ví dụ vừa nêu chỉ đơn thuần là câu trần thuật mang tính chất giải bày, không phải là câu ngôn hành.

2.2.4. Những từ biểu thị mục đích: **nhằm, để**... Chẳng hạn:

(20a) - Chúng tôi tuyên bố cho ông biết: Từ nay giờ đi, ai có thân người ấy lo.
(+ hành động tuyên bố)

(20b) - Chúng tôi **đến để** tuyên bố cho ông biết: Từ nay giờ đi... (- hành động tuyên bố)

(21a) - Tôi xin cải chính nguồn tin thất thiệt về gia đình tôi. (+ hành động cải chính)

(21b) - Tôi **làm như vậy là nhằm** cải chính nguồn tin thất thiệt... (- hành động cải chính)

Nhiều người cho rằng để ĐTNH đi liền với những từ chỉ mục đích như vừa nêu không ảnh hưởng gì đến hiệu lực ngôn hành. Sự thực không phải vậy. Nếu ví dụ (20a), (21a) được nói ra là để hành động thì những ví dụ (20b), (21b) nói ra là để giải bày, giải thích. Hành động được biểu thị bằng các động từ “nói, cải chính” trong những câu (20a), (21b) chỉ là mục đích của việc “đến đây” và “làm như vậy”... Những yếu tố chỉ mục đích còn biến ĐTNH và nội dung chỉ hành động đi kèm trở thành mệnh đề phụ của câu. Vậy là các yếu tố này đã làm mất đi hiệu lực ngôn hành, khiến câu trở thành các câu trần thuật.

2.2.5. Các yếu tố tình thái như: **phải, muốn**

Xin lưu ý rằng các yếu tố này được đặt trong kết cấu câu có dạng câu ngôn hành thông dụng “S (Sp1) + ĐTNH + S (Sp2) + V”. Trường hợp có mặt các yếu tố này trong kết cấu câu cầu khiến, chúng tôi xin được bàn đến vào một dịp khác.

- Yếu tố **phải** (đành phải, buộc lòng phải, rất tiếc phải, thấy cần phải).

(22a) - Xin báo với anh một tin buồn: Tháng này anh bị giảm hai mươi năm phần trăm (25%) lương. (+ hành động báo)

(22b) - Rất tiếc **phải** báo với anh một tin buồn: ... (- hành động báo)

(23a) - Mời anh theo chúng tôi về đồn. (+ hành động mời)

(23b) - Chúng tôi **buộc phải** mời anh về đồn. (- hành động mời)

Nói ra những câu có yếu tố tình thái phải đi kèm - các câu (22b), (23b) - Sp1 muốn tỏ cho Sp2 thấy mình đang ở vào thế bị động, bị buộc phải thực hiện cái hành động được biểu thị bằng ĐTNH. Làm như thế cũng có nghĩa là Sp1 đã phần nào làm giảm trách nhiệm của mình với nội dung hành động trong câu. Song cũng chính vì thế mà hiệu lực ngôn hành của câu- tuy không mất hẳn nhưng cũng bị giảm sút ít nhiều.

- Yếu tố **muốn** (những muốn)

(24a) -Ta nhờ người thần giúp ta một việc nữa: nay mai ta đắp xong thành ốc, thần có thứ khí giới gì giúp ta đánh đuổi Triệu Đà không? (+ hành động nhờ)

(24b)- Ta **muốn** nhờ người thần giúp ta một việc nữa: nay mai...? (- hành động nhờ)

Với câu (24a), ta thấy Sp1 tỏ thái độ băn khoăn, không dứt khoát khi giải bày một mong muốn, chứ không phải Sp1 đang thực hiện hành động “nhờ”. Mặc dù khi nghe xong (24b), Sp2 có thể cũng sẽ giúp đỡ Sp1, nhưng thực chất là Sp2 đã hiểu ví dụ này như một lời nhờ vả. Nghĩa là Sp2 không thể thông qua hình thức của câu, mà phải thông qua một sự suy diễn nào đó. Cho nên với (24a), Sp2 có thể bộc lộ thái độ trực tiếp (nhận lời hay từ chối) thì với (24b), Sp2 không cần tỏ thái độ trực tiếp ấy (thông thường là im lặng).

2.2.6. Các dấu hiệu nghi vấn

Trừ khi đi vào nội dung mệnh đề của câu chứa ĐTNH "hỏi", “đố”, còn trong các trường hợp khác, các dấu hiệu nghi vấn (bao gồm các tiểu từ nghi vấn, các kết từ nghi vấn, các đại từ nghi vấn, các từ nghi vấn) có ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu lực ngôn hành, thậm chí làm mất hẳn hiệu lực ngôn hành. Xét các ví dụ sau:

(25) - Tớ (nên) phản đối **hay** đồng tình? (- hành động phản đối)

(26) - Cầu xin mày? (Đừng có mơ, tao không bao giờ hạ mình như thế!) (- hành động cầu xin)

Ví dụ (25), (26) không phải những câu ngôn hành, vì Sp1 nói ra nó không phải để thực hiện hành động biểu thị bằng động từ nêu trong câu, mà để bộc lộ thái độ băn khoăn/ cần một lời khuyên, hoặc để từ chối hay phủ nhận việc mình sẽ thực hiện. Với những trường hợp này, cho dù Sp1 ở ngôi thứ nhất, Sp2 ở ngôi thứ hai, động từ có ở thì hiện tại và là động từ biểu thị hành động nói năng, thì những ví dụ này cũng không phải câu ngôn hành.

Trên đây là những yếu tố có ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đến hiệu lực ngôn hành của câu ngôn hành tiếng Việt. Chắc chắn là những yếu tố này còn nhiều, nhưng trong khuôn khổ nhất định, chúng tôi xin chỉ điểm qua những trường hợp thường gặp, để thấy rằng Sp1 hoàn toàn có thể thay đổi hiệu lực ngôn hành cho phù hợp với mục đích nói và hoàn cảnh nói năng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học*, tập II, NXB Giáo dục, 2001.
2. Nguyễn Đức Dân, *Ngữ dụng học*, tập I, NXB Giáo dục, 1998.
3. Nguyễn Thiện Giáp, *Dụng học Việt ngữ*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000.
4. Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt sơ thảo ngữ pháp chức năng*, NXB Khoa học Xã hội, 1991.
5. Trần Kim Phụng, “Về các điều kiện của động từ ngôn hành tiếng Việt”, tạp chí *Ngôn ngữ*, số 2, 2001.